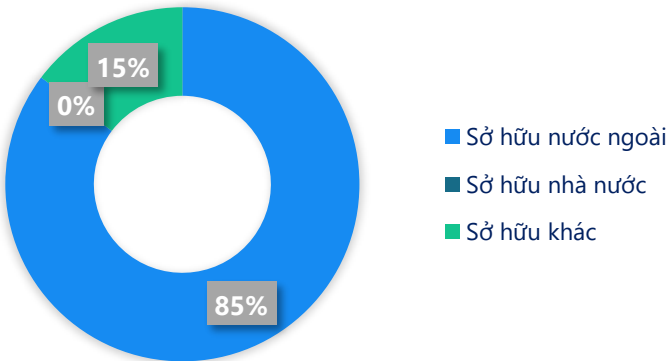


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		119,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		137,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		87,058
SL cổ phiếu LH		81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)		210,810
% sở hữu nước ngoài		85.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,766
P/E		9.0
EPS		13,288

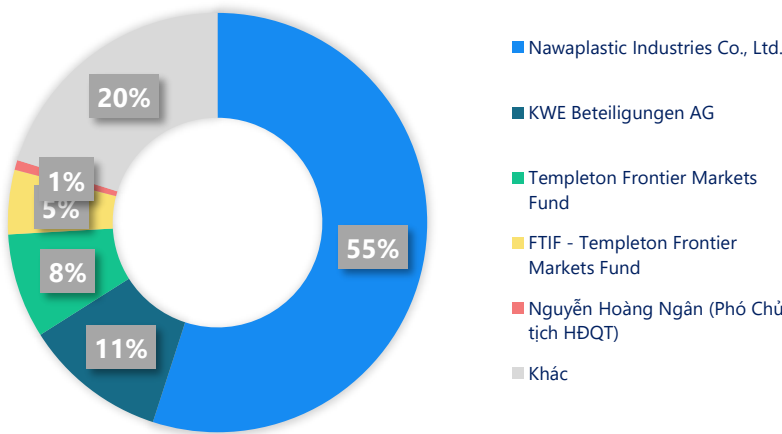
	YTD	1T	3T	6T
BMP	-10.4%	-1.1%	-10.7%	6.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



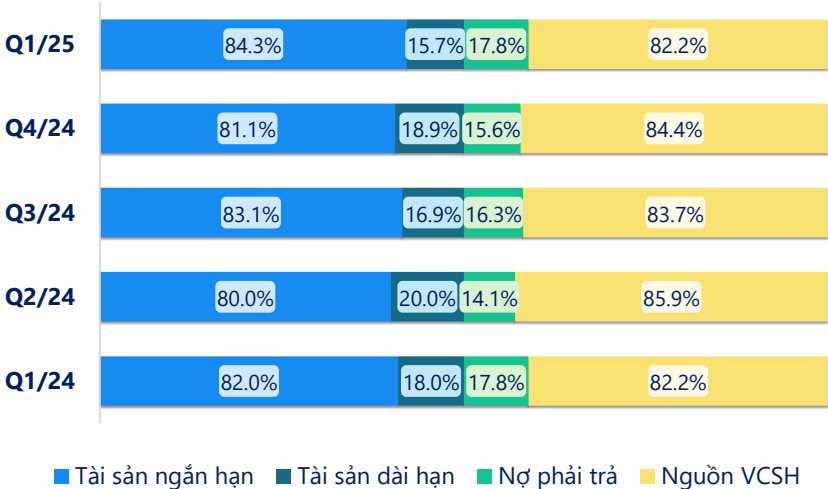
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



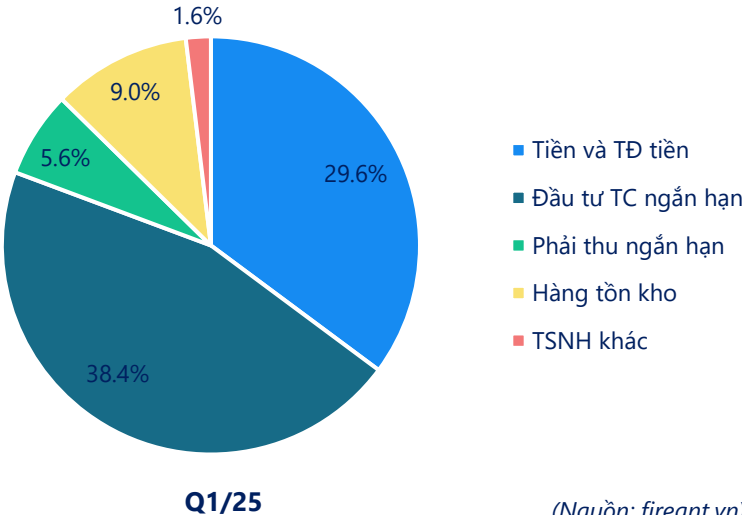
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



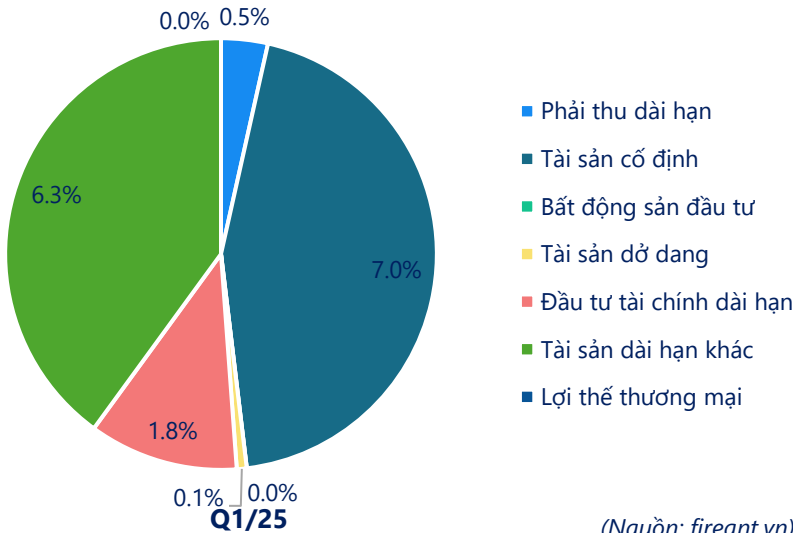
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

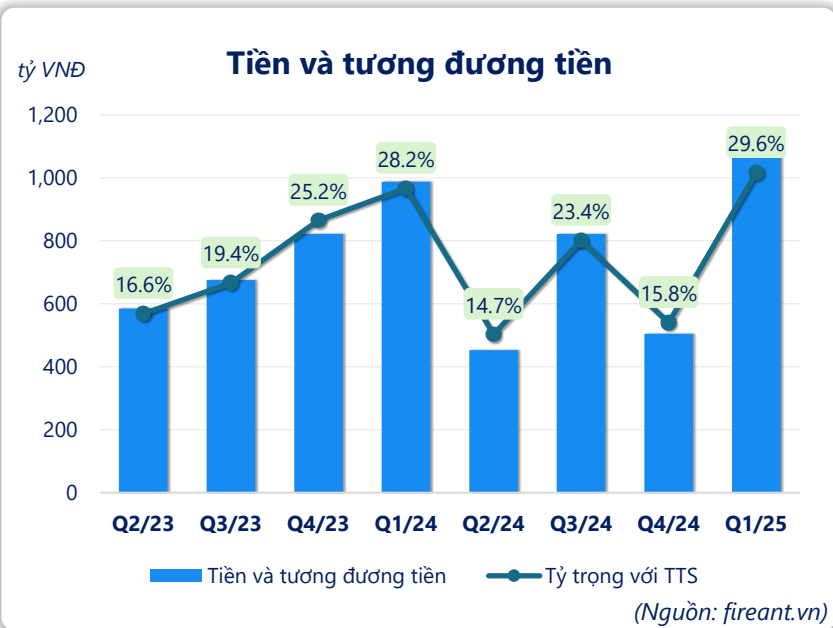
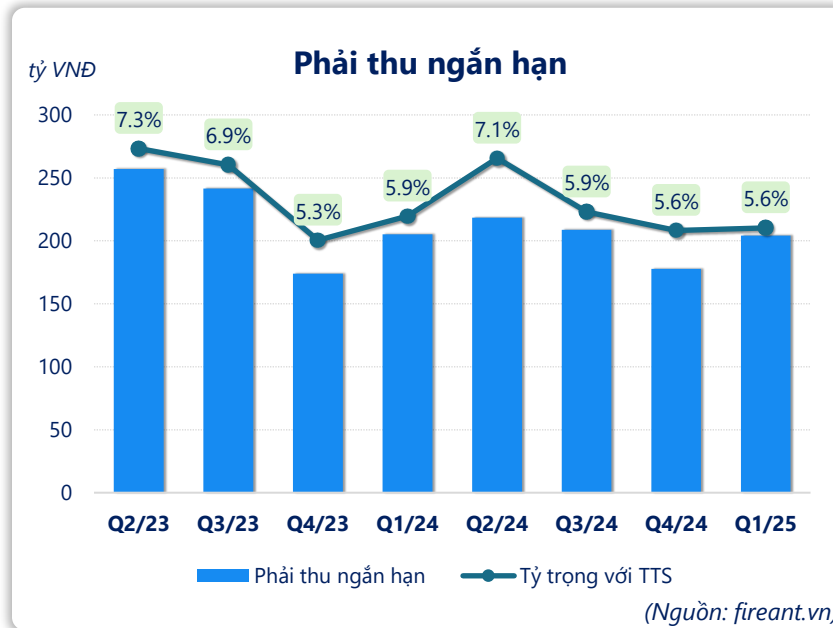
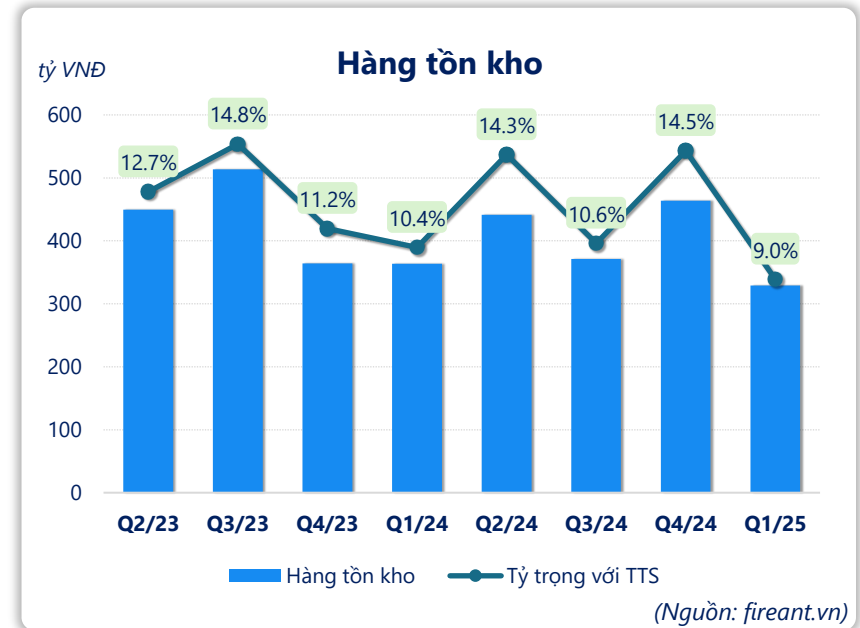
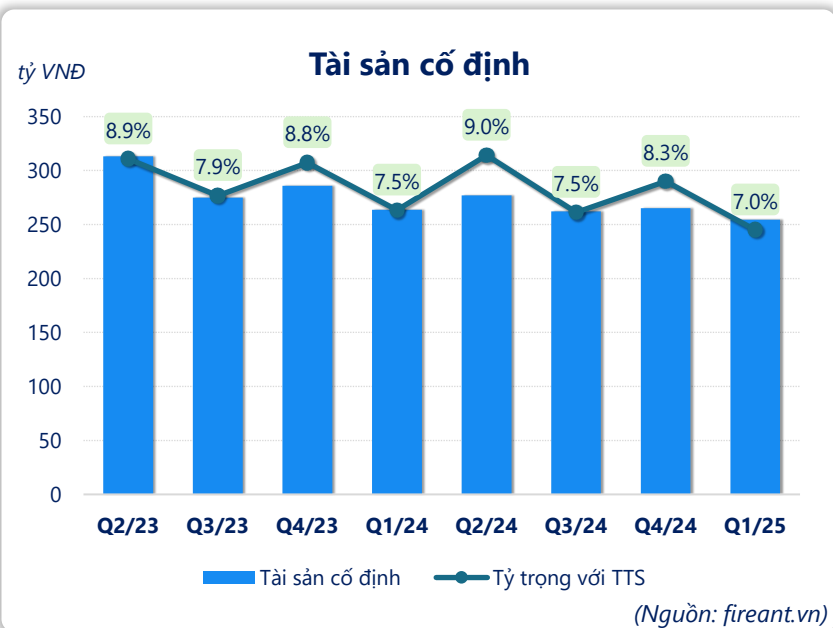
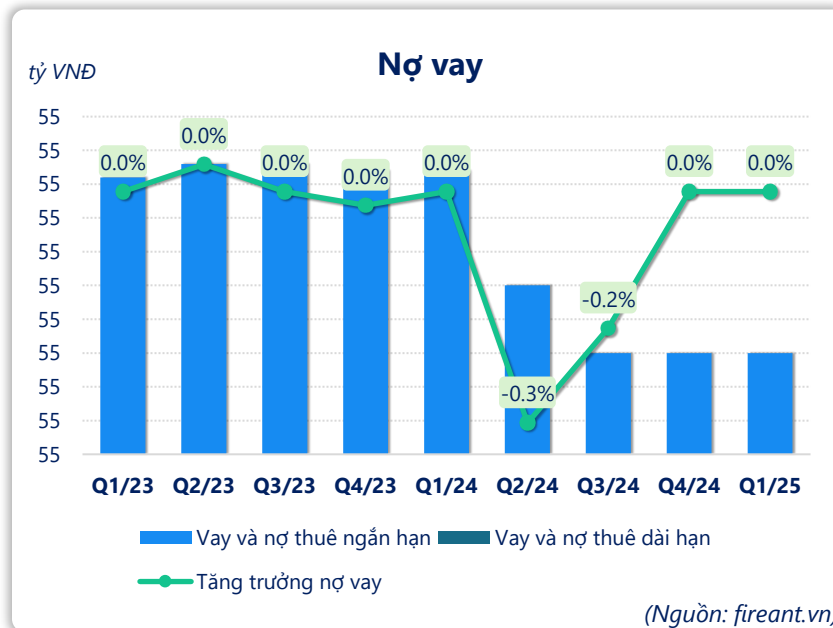
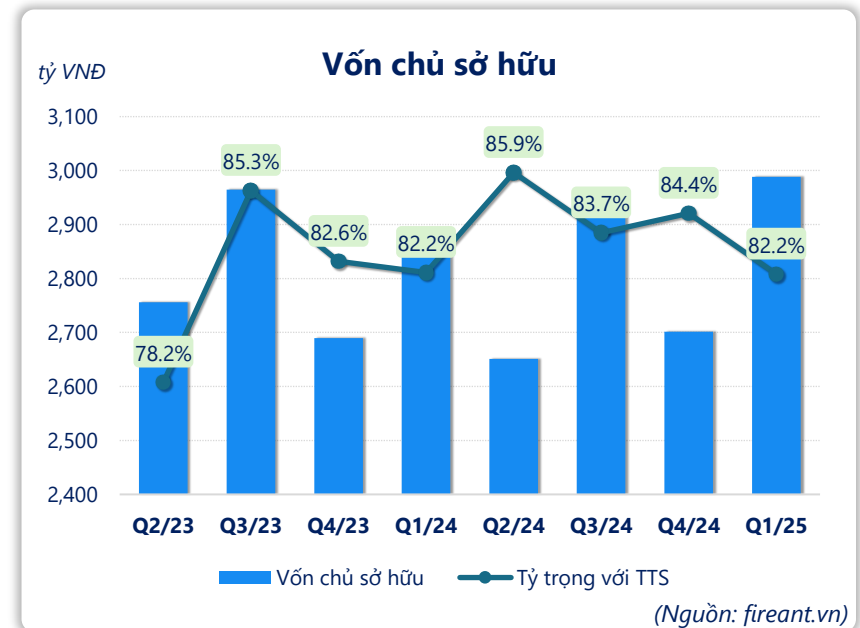


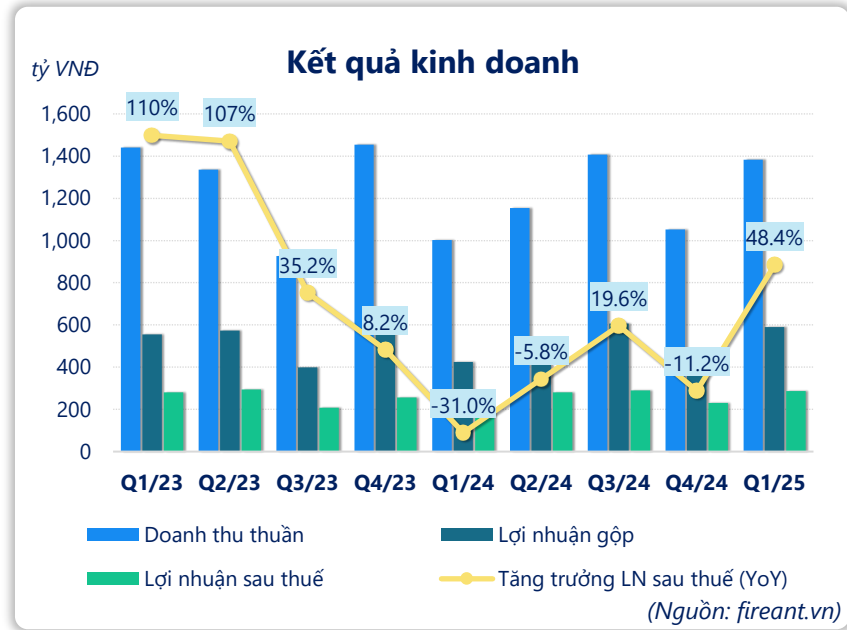
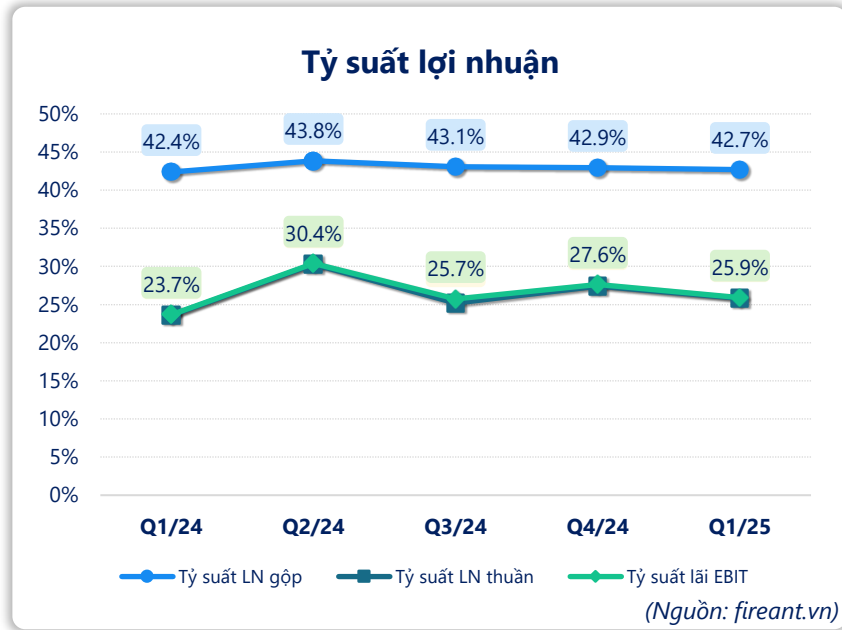
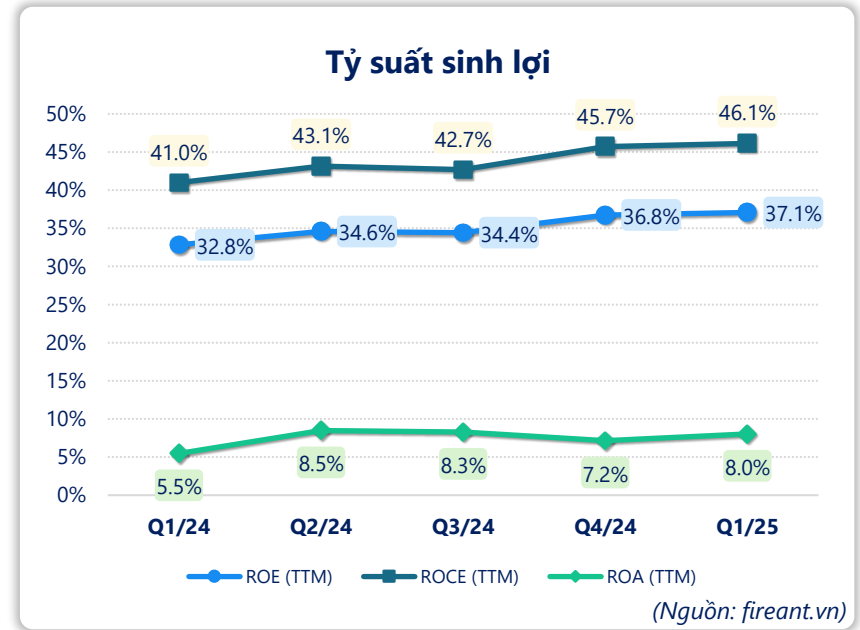
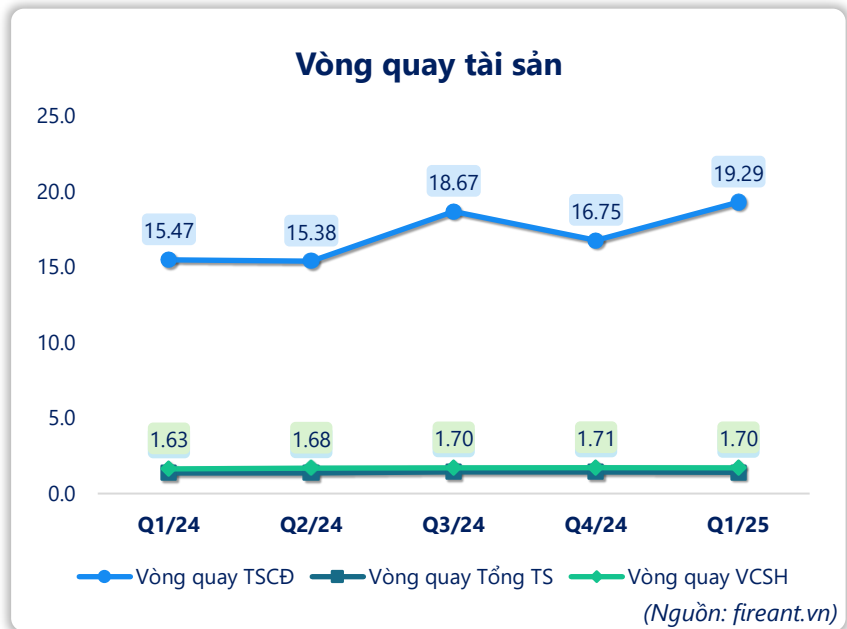
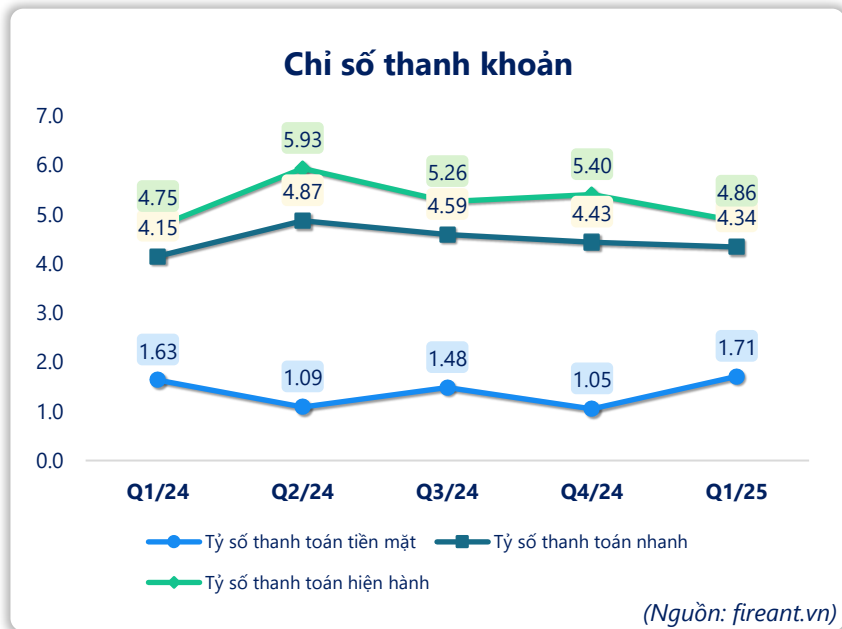
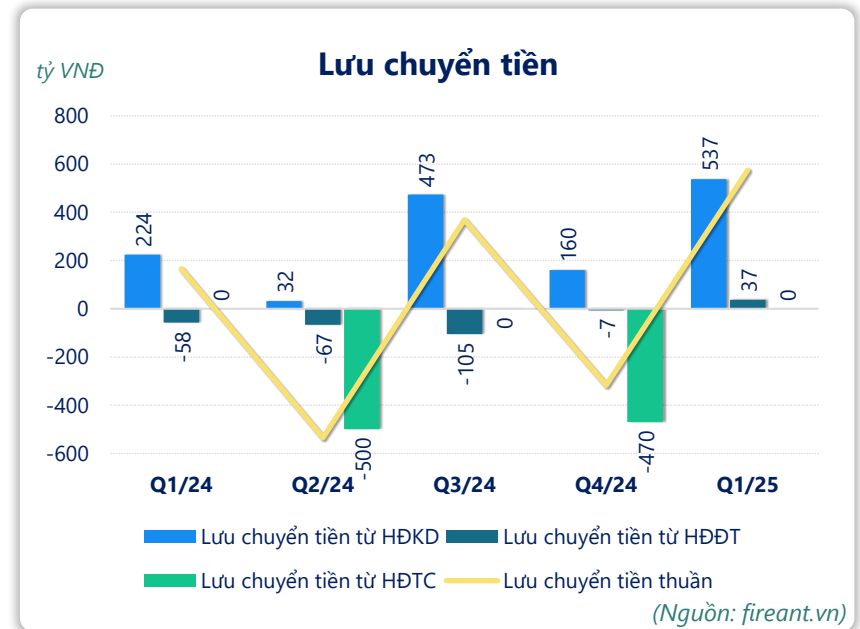
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,637	3,200	13.7%
Tài sản ngắn hạn	3,066	2,596	18.1%
Tiền và tương đương tiền	1,078	504	114%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,396	1,410	-1.0%
Phải thu ngắn hạn	204	178	14.8%
Hàng tồn kho	329	464	-29.1%
Tài sản ngắn hạn khác	59.1	40.6	45.6%
Tài sản dài hạn	571	604	-5.5%
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản cố định	255	265	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.23	19.6	-78.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.9	63.8	0.2%
Tài sản dài hạn khác	228	236	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	649	499	30.1%
Nợ ngắn hạn	631	481	31.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	190	172	10.3%
Nợ dài hạn	17.7	17.8	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,989	2,702	10.6%
Vốn chủ sở hữu	2,989	2,702	10.6%
Vốn điều lệ	819	819	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,003	1,153	1,407	1,053	1,383
Giá vốn hàng bán	578	648	801	601	793
Lợi nhuận gộp	425	506	606	452	590
Doanh thu HĐTC	19.1	17.0	20.1	22.5	21.1
Chi phí TC	28.2	32.6	71.5	30.0	39.8
Chi phí lãi vay	0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
LN trong công ty LKLD	-0.28	-0.14	0.12	-0.20	0.15
Chi phí bán hàng	151	117	165	122	182
Chi phí QLDN	28.2	23.2	35.0	33.2	32.0
LN thuần từ HĐKD	237	349	354	289	357
Lợi nhuận khác	0.75	1.12	7.71	2.01	1.17
LN trước thuế	237	350	362	291	359
Lợi nhuận sau thuế	190	280	290	231	287
LNST của CĐ cty mẹ	190	280	290	231	287

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	224	31.7	473	160	537
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.9	-67.0	-105	-7.27	37.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-500	-0.10	-470	0
Tiền đầu kỳ	821	988	453	821	504
Lưu chuyển tiền thuần	166	-535	369	-317	574
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.03	0
Tiền cuối kỳ	988	453	821	504	1,078

(Nguồn: fireant.vn)